

CHƯƠNG 6.

Paris. Những lời của Frank Kafka, nhà văn Do Thái--Đức (1883-1924):

“Thông thường, các nhà văn còn sống luôn luôn muốn duy trì một sự sinh động trong các tác phẩm của họ. Họ đấu tranh để có được sự sinh động ấy chỉ là vì họ đang hiện hữu. Sự thật, cuộc sống độc lập của một quyển sách được bắt đầu là ngay từ sau khi tác giả đã chết. Khi ấy, tác phẩm tự nó có thể đứng vững (hay không) đều nhờ vào sức sống riêng (có hay không) trong chính nó.”

□

Thứ Ba 22/11/1977, lưu diễn Phù Cát, Qui Nhơn.

“Ngày xưa, ở làng quê kia có đôi vợ chồng nghèo sinh được hai con, một trai một gái. Mỗi khi ra đồng, bố mẹ thường dặn anh ở nhà phải cẩn thận trông em. Một bữa, bố mẹ vắng nhà, anh lấy dao róc mía cho em ăn, không ngờ lưỡi dao văng tuốt vào đầu em, máu chảy lênh láng. Em ngã ra bất tỉnh. Anh sợ quá bỏ nhà trốn biệt.

Mười mấy năm lưu lạc trôi qua, chàng không nhớ mình đã đi mãi tận đâu. Sau cùng, chàng đến Bình Định sinh sống bằng nghề đánh cá và kết hôn với một cô gái thạo nghề đan lưới, mồ côi cha mẹ. Mỗi khi thuyền chồng về bến, vợ xuống bãi đón, rồi quấy cá ra chợ bán. Ít lâu, họ sinh được một con, cảnh nhà càng ngày càng thêm ấm cúng.

Một bữa kia biển động, chồng ở nhà phụ với vợ vá lưới. Cơm nước xong, vợ xõa tóc nhờ chồng bắt chích. Thấy trên đầu vợ có vết sẹo dài, chồng hỏi nguyên do. Vợ kể hết đầu đuôi có sự. Chồng rất đau lòng khi biết mình kết hôn lầm em gái, nên quyết ý bỏ đi, không cho vợ hay. Khi biển êm sóng lặng, chồng lại giong buồm ra khơi nhưng không bao giờ còn trở về nữa.

Từ bữa đó, vợ bé con trèo lên mỏm núi ngóng thuyền chồng tăm hơi biển biệt. Hai mẹ con cứ đứng mãi nhìn ra biển xa, lâu ngày sương đọng hóa thành đá cứng. Hòn đá ấy ngày nay vẫn còn trên đỉnh núi Mồ O, gần bãi Khách Thử, thuộc huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (nay gọi là tỉnh Nghĩa Bình), người ta vẫn quen gọi là Hòn Vọng Phu. Những người đi biển dù Nha Trang ra hay Đà Nẵng vào, nhìn vô đất liền đều thấy Hòn Vọng Phu sừng sững. Cảm thương nỗi đau của người bạn thuyền chài, họ truyền nhau câu hát:

*“Bồng con ngồi tựa cao non
Trăng thu vắng vặc, dạ son chờ chồng.”*

.....

Từ hai đêm rồi, biển động, khách vắng, đoàn nghi hát.

Tôi và hai người bạn trong tổ Tân Nhạc rủ nhau đáp xe lam ra Ga xe lửa ngồi uống rượu khuya. Lạ một điều, ngoài tiếng gào của biển, những cơn gió mùa đông cũng làm rung động trái tim tôi không ít. Có cái gì thật kỳ dị trong hồn mỗi khi nghe tiếng rền của gió. Như đêm nay, trên sân Ga Phù Cát, tâm hồn tôi trở thành sắt se, buồn rượi. Ngồi với hai người bạn nơi một chiếc quán nhỏ trong sân Ga mà tôi chỉ lắng tai theo những âm thanh của gió rền vang ai oán. Không gian mang sắc thái biệt ly theo những tiếng còi tàu vọng lên não

nùng từng chập. Những sợi rượu hòa với niềm rung động được uống vào trong cổ họng làm thức tỉnh một cái gì thật mơ hồ trong tiềm thức xa xăm.

Phải rồi! Đây là tuổi trẻ của tôi. Là những gì tôi từng bắt gặp và từng đã mất. Những tháng ngày gần Tết của thời gian 1969 trong thành phố Nha Trang vẫn một mình đi trong gió buốt, mái tóc rũ xòa phơ phất; một dáng hình lãng đàng mà bây giờ chỉ có thể tìm lại trong các giấc mơ...

Trên sân Ga tập nập đủ mọi giới người. Các chiếc đèn hột vịt, đèn măng-xông treo trước những gánh hàng, lung linh dao động.

Trong góc tối của một quán rượu nhỏ với hai người bạn, tôi ngồi quan sát sinh hoạt chung quanh. Đó đây, những chiếc ghế bỗ cho mướn bày ra la liệt. Người ta cầm cốc, giăng mừng, rồi tựa đầu lên hành lý. Người ta ôm trọn tất cả những gì có thể ôm vào ngực mà ngủ qua đêm. Mỗi chiếc mừng là một thế giới riêng rẽ. Những thế giới riêng rẽ tình cờ hội tụ với nhau trong cùng không gian rét mướt của một đêm mùa thu. Tuy nhiên, sự riêng rẽ này không được hoàn toàn tôn trọng. Vì vậy, thỉnh thoảng lại nghe dội lên giữa khuya tiếng la từ một chiếc mừng nào đó: *“Ê, làm gì vậy? Tính ăn cắp hả?”* Tiếp theo sau là một tràng chửi rủa chói tai.

Trước hiên quán rượu, một thiếu phụ còn trẻ ngồi xỏm dưới đất, đôi cánh tay vòng quanh người một đứa bé độ hai tuổi đang ngủ gà ngủ gật. Dưới làn ánh sáng hắt ra từ ngọn đèn đường, khuôn mặt người thiếu phụ trông đờn đau buồn bã. Bà đảo đôi mắt nhìn quanh, dáng vẻ bồn chồn nôn nóng. Ngọn gió giá buốt tháng Mười Một thổi rì rào trên các cành dương trông quanh sân ga. Người thiếu phụ ôm xiết đứa trẻ vào lòng, đôi mắt vẫn không ngừng tìm kiếm.

Cách xa một quãng, ngay cửa lớn dẫn vào nhà Ga, một bà cụ ngồi giữa đám đông, tí tê khóc lóc. Câu chuyện bà bị lấy mất túi hành lý, tôi đã được biết từ khi mới bước chân đến đó. Những giọt nước mắt chảy dài trên đôi má nhăn nhoe không còn chút thịt làm cho tôi nghe thật buồn trong bụng. Những ly rượu nóng vẫn không xóa tan được hết cảm giác xót xa lan rộng càng lúc càng nhiều trong trí não tôi.

Khi trời đã rất khuya, người thiếu phụ ngồi với đứa nhỏ trước hiên quán rượu đột nhiên vùng đứng dậy. Bà nhẩy xổ vào một người đàn ông đang đi tới gần, giơ tay cào cấu lên mặt lên thân hình người ấy. Đứa bé bị bỏ rơi lại trước cửa quán, khóc ré lên dữ dội. Đám đông nhanh nhẹn vây quanh người đàn ông và người thiếu phụ. Có tiếng la bằng giọng Quảng Nam: *“Anh lừa gạt tui! Lấy tui có con rồi rắp tâm trốn về ngoài Bắc. Tui canh ở đây cả tuần rồi. Tui biết thế nào anh cũng ló mặt ra Ga mua vé xe lửa về với bà lớn. Anh không dễ gì qua mặt tui đâu!”*

Người đàn ông ra vẻ một cán bộ Cộng Sản, lúng túng gỡ đôi tay níu chặt của người thiếu phụ ra khỏi thân mình. Nhưng càng gỡ thì người đàn bà càng thêm bấu chặt. Ông nói nhỏ với người thiếu phụ câu gì đó, chỉ thấy bà lắc đầu quầy quậy, hét lớn: *“Làm sao tui trở về được với chồng tui? Anh xúi giục tui, hứa hẹn đủ điều để tui bỏ mặc anh ấy từ đây cải tạo. Bây giờ anh tính cuốn gói rút êm hả? Không dễ với con này đâu!”*

Vừa hét, người thiếu phụ vừa cào cấu lên đầu lên cổ tình nhân. Trong đám đông có tiếng đàn ông chửi thề, rồi lại tiếng đàn bà kêu lớn: *“Thứ người đẽu giả! Vợ con đùm đẽ ngoài Bắc rồi còn vào đây lừa gạt gái Nam!”*

Tôi lại tiếp tục uống rượu cùng hai người bạn. Cảm giác buồn buồn tràn ngập tâm tư. Đêm trên sân Ga Phù Cát nhuộm màu vàng vọt. Những ngọn đèn nơi các gánh cơm gánh cháo cơ hồ như cũng soi đậm màu vàng úa lên những hốc kín của tình cảm tôi. Gió lạnh ngậy ngậy. Tiếng còi tàu ré lên từ xa nghe sao vô cùng tuyệt vọng. Tôi nhìn qua phía bà cụ bị lấy cắp túi hành lý, rồi lại nhìn người thiếu phụ lúc này đã bình tĩnh ngồi xuống trên một băng ghế, bên cạnh người đàn ông và đứa con nhỏ. Cảm giác chán chường vẫn không rời xa đầu óc. Và tôi tự hỏi: *“Hà có gì mình phải rung động xót xa vì những tấn kịch đời thống khổ vẫn nhan nhản mỗi ngày trên cõi người ta?”*

[]

Paris. Bài thơ Di Chúc (Zaveshchaniye) của Mikhail Lermontov, thi sĩ Nga (1814--1841):

*“Nếu có ai hỏi bạn về tôi, như họ có thể
Bạn hãy nói rằng một viên đạn nào đó
đã bay suốt qua vùng ngực tôi...”*

[]

**Lưu diễn huyện Tuy Phước (Bình Định, Nghĩa Bình),
thứ Sáu ngày 26/11/1977.**

Biển vẫn động. Đoàn vẫn nghi hát.

Nơi quán rượu tôi tàn dưng trên bãi bê bê Qui Nhơn, tổ Tân Nhạc ngồi lại với nhau. Bàn bên cạnh có bốn người đàn ông và một phụ nữ đang cùng uống rượu. Mùa thu mây giăng kín, mưa bão kéo về thị xã, gió trở khiến trời rất lạnh; biển thét gào những lời ai oán, những đợt sóng giận dữ vỗ mạnh vào bờ.

Cuộc đánh tư sản mại bản đợt Một trong Sài Gòn và 17 tỉnh lớn của Miền Nam do CS chủ trương, bắt đầu vào buổi sáng ngày 11 tháng 9/1975 kéo dài cho đến cuối năm 1977, mục đích tịch thu hết của dân toàn bộ nhà cửa tài sản. Sau đó, chính quyền ban lệnh cho phép những người Hoa sống ở VN đã ngót hơn 200 năm được ra đi trên những chuyến tàu do nhà nước tổ chức, gọi là "bán chính thức vượt biên". Thế là trong dân chúng, điều này được âm thầm phổ biến. Không cần phải là chính gốc người Hoa, hễ cứ nộp cho nhà nước 8 lượng vàng trên mỗi đầu người là được có mặt công khai trên các chuyến tàu như vậy.

Kể từ sau tháng 4/1975, "bỏ quê hương ra đi" là một hiện tượng thường xuyên xảy ra trong dân chúng miền Nam. Tất cả từ giàu đến nghèo, từ nông dân đến thành thị ai cũng đều mang cùng ước muốn đó trong tư tưởng. Những chuyến vượt biên lén lút được tổ chức dọc dài trên các vùng miền biển. Có người thành công nhưng cũng rất nhiều người thất bại theo màn lưới canh chừng nghiêm nhặt của công an CSVN.

Trong vòng gia đình và bè bạn tôi, cái hiện tượng này cũng đã ám ảnh họ không ít. Trước hai chữ Tự Do, ai nấy đều tỏ ra thêm khát cho dù có phải đánh đổi nó bằng chính mạng sống của mình. Nhưng để thực hiện được một chuyến

vượt biên thì lại là điều không phải dễ. Đời sống dân chúng càng lúc càng bị bóp nghẹt nhiều mặt. Một "chỗ ngồi" trên một chiếc ghe "chui" đáng giá từ 2 tới 3 lượng. Còn như đăng ký đi theo những chuyến "bán chính thức" lại càng thêm đắt giá. Vì vậy trong hoàn cảnh kinh tế điên đảo hiện nay, không phải ai cũng có tiền để làm chuyện đi tìm tự do cho chính bản thân.

... ..

Buổi chiều trên bãi biển Qui Nhơn, anh bạn chơi *guitare* cất giọng hát lên bản nhạc *Mộng Dưới Hoa*, Phạm Đình Chương phổ bài thơ Tự Tình Dưới Hoa của thi sĩ Đinh Hùng có những câu rất đẹp:

*Chưa gặp em, tôi vẫn nghĩ rằng:
Có nàng thiếu nữ đẹp như trăng.
Mắt xanh là bóng dĩa hoang dại,
Thăm thẳm nhìn tôi, không nói năng.*

*Bài thơ hạnh ngộ đã trao tay,
Ôi mộng nào hơn giấc mộng này ?
Mùi phấn em thơm mùi hạ cũ,
Nửa như hoài vọng, nửa như say.*

*Em đến như mây, chẳng đợi kỳ,
Hương ngàn gió núi động hàng mi.
Tâm tư khép mở đôi tà áo,
Hò hẹn lâu rồi - Em nói đi!*

*Em muốn đôi ta mộng chốn nào ?
Uớc nguyện đã có gác trăng sao.
Truyện tâm tình: dưới hoa thiên lý,
Còn lối băng khuâng: Ngõ trúc đào.*

*Em chẳng tìm đâu cũng sẵn thơ.
Nắng trong hoa, với gió bên hồ,
Dành riêng em đấy. Khi tình tự,
Ta sẽ đi về những cảnh xưa.*

*Rồi buổi ưu sầu em với tôi
Nhìn nhau cũng đủ lãng quên đời.
Vai kề một mái thơ phong nguyệt,
Hạnh phúc xa xa mỉm miệng cười.*

Vừa hát, anh vừa nâng ly uống rượu ở những đoạn nghỉ. Buổi chiều thật buồn nhưng nồng nàn mùi lãng mạn. Giọng hát anh mềm, mang âm hưởng Hà Nội làm ngạc nhiên cả Tổ. Anh kèn *sax-ténor* bật tiếng la:

"Hay quá! Hát nữa cho anh em nghe đi!"

Cao hứng, anh chơi trống đệm nhịp theo bằng hai chiếc dũa gõ trên miêng ly làm thành các điệu nhạc. Các anh còn lại cùng cất giọng theo anh bạn *guitare*.

Vô tình mà buổi chiều lạnh nơi quán rượu nghèo trên bãi biển Qui Nhơn lại biến thành một buổi trình diễn thú vị. Tiếng hát của đám chúng tôi cũng tạo nên niềm hứng khởi cho những vị khách bàn cạnh bên. Một người trong bọn khe khẽ hát theo. Trông tất cả đều như say say, nhất là ở người phụ nữ. Bà cứ cầm lấy xì rượu rót liên tục vào cốc của mình, ngửa cổ uống nhanh rồi bật lên những tiếng cười điên dại.

Thực sự cho đến lúc bấy giờ, trong đầu tôi chưa có ý niệm rời bỏ quê hương. Nhưng chiều nay, ngồi nhìn xa xa vùng biển rộng, thình thoảng lại liếc về người đàn bà bàn cạnh, cả tâm hồn tôi bỗng nhiên rúng động. "*Cái bóng tối âm u*" trong cuộc sống dưới chế độ CS chụp nhanh lên hình ảnh ấy. Tôi đâm sợ hãi khi hình dung một ngày nào chính mình sẽ ở vào tư thế đó. Lần đầu tiên, ý nghĩ "*phải ra đi*" mới thấy lóe lên từ một góc nào sâu thẳm của trái tim.

□

Paris. Một đoạn thư của Dostoievski gửi người bạn Nam Tưóc Wrangel (ngày 28/9/1865):

"Một cuốn tiểu thuyết là kết quả của một tưởng tượng trỗi tình. Để làm được như thế, tâm trí nhà văn phải hoàn toàn an tĩnh. Nhưng với tôi thì lại thường xuyên bận trí bởi những đe dọa bỏ tù của các chủ nợ tiền bạc. Bạn có thể hình dung được hoàn cảnh và tâm trạng hiện tại của tôi không? Luôn luôn tôi thấy tinh thần mình bị hao mòn và dễ dàng nổi giận, nhưng không có cách kháng cự nào khác ngoài sự ngồi xuống bàn mà viết. Đôi khi ngay cả điều viết này cũng không thể làm được. Nếu như các chủ nợ bỏ tù tôi, mọi sự sẽ đi vào tàn hủy và biến thành mây khói..."

□

**Lưu diễn Đập Đá (tỉnh Bình Định),
Chủ nhật 27/11/1977.**

Những đêm ở Đập Đá, tôi vẫn ngồi lại nơi hàng ghế Tân Nhạc để nghe anh Thanh Hải, kếp chính của đoàn, hát điệu *Trường Tương Tư*.

Cải Lương là một thế giới rất xa lạ với tôi trên đủ mọi khía cạnh. Ở giai đoạn đầu đi theo đoàn (tháng 11/1976), sự xa lạ này tăng thêm một bậc khi mà sau những tháng ngày mất định hướng trong thành phố, bỗng dưng tôi bị lâm vào một hoàn cảnh "tréo căng ngổng" đến chẳng biết phải hành xử thế nào cho đúng với những con người mang kiếp cầm ca. Nhưng càng lúc càng lúc, nỗi xa lạ giảm dần đi để tôi bắt đầu nhìn vào giới này bằng con mắt thân thiện gần gũi. Điệu *Trường Tương Tư* trong một buổi vẫn diễn mỗi đêm qua giọng ca anh Thanh Hải là một trong những thân tình vừa kể. Nếu hỏi rằng điệu ấy thế nào thì tôi chịu, không trả lời được. Chỉ nhớ rằng mỗi khi nghe anh hát *Trường Tương Tư* là tôi hòa nhập trọn vẹn trái tim mình theo từng khúc nhạc câu ca cho đến kỳ hết mới thôi.

Anh cao vừa tầm, bề ngoài rắn chắc, khuôn mặt đượm chất bình dân dù rằng trong hàng ngũ Cải Lương, anh là người rất nổi tiếng. Nghe kể rằng chính

giọng ca anh thời trẻ đã tước đoạt đi cái chức "ông vua *Vọng Cổ*" của nghệ sĩ lão thành Út Trà Ôn.

Lớn hơn tôi chừng một chục tuổi, anh được tôi xếp ngang hàng với anh *sax-ténor*, trưởng ban Tân Nhạc. Phần anh cũng vậy, luôn nghĩ về tôi như một đứa em dề cũng sẵn sàng chiêu đãi hết mọi ngón cuồng từ tôi.

Cách chơi của anh rất hào sảng. Nhiều lần cùng đám tôi ngồi lại sau các buổi hát khuya, tự tay anh làm đồ nhậu rất ngon cho anh em thưởng thức. Anh hay vỗ nhẹ đầu tôi, nói: "*Con nhỏ này kéo violon đã 'mùi' mà uống rượu cũng chẳng bao giờ thấy say!*"

Có cái gì thật ảm nẩy ra trong tim tôi ở những cuộc rượu trong những làng quê xa xôi ngồi cùng đám anh em Cải Lương như vậy. Sự cô đơn tôi từng có trong các ban nhạc dạo trước 1975, bây giờ lặn chìm đâu mất. "*Cũng một con người tôi mà kẻ này thì ưa, kẻ khác lại ghét...*" như vẫn tự mình chiêm nghiệm, thì trong cuộc sống lang bạt bây giờ, tôi đã âm thầm cảm ơn "những người bạn" đã nhìn về tôi bằng con mắt thân thiện theo cái nghĩa "ưa" kia.

□

Paris. Những lời trong bài hát Stardust¹ đã làm đắm đuối trái tim tôi từ thuở mới bước vào ngưỡng cửa Tình Yêu:

**/ And now the purple dusk of twilight time
steals across the meadows of my heart;
high up in the sky the little stars climb
always reminding me that we're apart*

**/ You wander down the lane and far away
leaving me a song that will not die.
Love is now the stardust of yesterday
The music of the years gone by.*

**/ Sometimes I wonder why I spend the lonely nights
dreaming of a song.*

*The melody haunts my reverie and I am once
again with you; when our love was new, and
each kiss an inspiration.*

**/ But that was long ago.*

*And now my consolation is in the stardust of a song;
beside the garden wall, when stars are bright
you are in my arms; the nightingale tells his fairy tale
of paradise where roses grew.*

¹ Stardust được sáng tác năm 1927 bởi Hoagy Carmichael (nhạc sĩ Mỹ, 1899-1981). Năm 1929, Mitchell Parish (nhạc sĩ Mỹ, 1900-1993) có viết thêm vào những giọng thơ. Đó là một trong những bản tình ca đẹp nhất, âm điệu nhẹ nhàng, từng được viết ra và rất phổ biến trên khắp thế giới.

**/ Though I dream in vain, in my heart
you will remain my stardust melody the
memory of loves refrain.*

[]

(TTBG tạm dịch)

VÌ SAO CHỖI

**/ (Khi) những tia sáng xấp màu của lúc hoàng hôn
lén lén lan vào hồn anh;
trên trời cao, những vì sao nhỏ đang xuất hiện
thì (đó là lúc) luôn nhắc anh nhớ rằng chúng mình
đã mất nhau.*

**/ Em bỏ đi xa rồi,
để lại trong anh một bài hát không bao giờ quên được.
Tình yêu bây giờ ví như một vầng sao xa thẳm theo
những hồi tưởng dĩ vãng
Âm nhạc của những tháng ngày xưa đã vĩnh viễn trôi
đi.*

**/ Có lúc anh ngạc nhiên rằng tại sao lại trải qua
những đêm dài cô đơn chỉ mơ về một bài hát.
(Bài hát với) những lời ca đã ám ảnh giấc ngủ;
(trong ấy) em lần nữa trở về với anh;
như thuở tình yêu vừa chớm, từng nụ hôn là từng mối
cảm hứng cho nhau*

**/ Nhưng đó là chuyện ngày xưa;
Bây giờ niềm an ủi của anh chỉ (tìm thấy được) qua vẻ
mông lung mơ màng của một bản nhạc;
cạnh bức tường trong khu vườn ngoài xa kia, khi những
vì sao bùng sáng,
em ngã vào tay anh;
con chim sơn ca cất lên bài hát thần tiên của nó
về một thiên đàng có những nụ hồng đang nở ra.*

**/ Dẫu biết đó chỉ là một giấc mơ phù phiếm,
thì trong tim anh
(hình ảnh) em vẫn như một điệu hát mơ hồ
theo kỷ niệm được giữ gìn của một tình yêu (đã vỡ).*

[]

**Lưu diễn Thành Đồ Bàn (thuộc Bình Định),
thứ Ba 29/11/1977.**

*/ Năm Canh Thìn (1470) (Hồng Đức nguyên niên- Lê Thánh Tôn), vua Trà Toàn nước Chiêm Thành muốn sinh sự ở nước Nam nên một mặt cho người sang cầu viện nhà Minh- nước Tàu, một mặt đem quân sang đánh phá ở đất Hóa Châu của An Nam.

+ Việc Trà Toàn xâm phạm biên cương Đại Việt là cơ hội từ lâu vua Lê Thánh Tôn chờ đợi. + Ngài thân chinh làm tướng, thống lãnh 15 vạn quân đi đánh Chiêm Thành.

+ Khi vào đến Thuận Hóa, Vua cho đóng quân lại để luyện tập và sai người lên sang vẽ địa đồ nước Chiêm để biết cho rõ địa thế có hiểm trở không rồi mới tiến binh đổ bộ Sa Kỳ (Quảng Ngãi bây giờ), đánh lấy cửa Thị Nại (Bình Định).

+ Trà Toàn thua, rút quân về giữ kinh thành Đồ Bàn. Quân An Nam kéo đến vây đánh, phá được thành, bắt sống Trà Toàn đưa về Thăng Long (nhưng vừa đến Nghệ An thì Trà Toàn mất).

*/ Tướng Chiêm là Bồ Trí Tri cùng đám tàn quân lui về giữ đất Phan Lung (Phan Rang- Panduranga) tự xưng là vua, sai sứ xin trở lại thần phục nhà Lê.

+ Vua Lê Thánh Tôn có ý muốn làm cho nước Chiêm Thành yếu đi, mới cho chia đất Chiêm làm ba nước nhỏ (Chiêm Thành, Hoa Anh, Nam Phan), phong làm ba vua.

+ Còn đất Đồ Bàn, đất Đại Chiêm và đất Cổ Lũy thì vua Lê lấy để lập thêm đạo Quảng Nam, có 3 phủ 9 huyện, đặt quan cai trị, và chọn trong đám dân đinh từ 15 tuổi trở lên, hễ ai thông minh ham học thì tuyển làm sinh đồ để dạy cho sự học hành và lễ nghĩa.

*/ Khi Trà Toàn đã bị bắt, em là Trà Toại trốn vào núi, sai người sang cầu viện nhà Minh nước Tàu và xin phong làm vua.

+ Vua Lê Thánh Tôn biết tin ấy bèn sai ông Lê Niệm đem 3 vạn quân vào bắt được Trà Toại giải về kinh sư.

+ Sau vua nhà Minh có sai sứ bảo vua Lê Thánh Tôn trả đất Chiêm Thành nhưng Ngài không chịu.

*/ Đất Đồ Bàn xưa (tên Chăm là Vijaya), kể từ thế kỷ thứ 10 đã trở nên sôi động khi người Chăm đến đặt kinh thành ở đây. + Từ ấy đến thế kỷ 15, các vua Chăm thay nhau đóng đô tại đó.

*/ Thành cũng từng là cứ điểm quân Chiêm dùng chống lại quân Việt triều Lý; đánh trả phong kiến Chân Lạp (Khmer) nhiều lần đem binh thuyền đến xâm lấn.

+ Cả đạo quân của Hốt Tất Liệt -Mông Cổ- cũng từng đến đây trong thế kỷ 13 và bị người Chiêm dùng chiến thuật du kích đẩy lui.

*/ Năm Tân Ty (1471), vua Lê Thánh Tông thân chinh Chiêm Thành, chiếm thành Đồ Bàn. + Nước Chiêm từ đó suy yếu hẳn; người Chiêm phải dời vào phía nam.

*/ Cuối thế kỷ 18, một triều đại mới phát xuất từ làng Tây Sơn, cách Qui Nhơn 20 km về phía Tây. + Nguyễn Nhạc lên làm vua, mở rộng thành Đồ Bàn, đặt tên là "Hoàng Đế Thành".

+ Dưới triều đại ngắn ngủi này (1788-1802), tòa thành từng là một chiến trường quyết định giữa quân Tây Sơn và quân Nguyễn Ánh.

*/ Khi Tây Sơn thua trận, Nguyễn Ánh lấy được thành, giao cho hai tướng Võ Tánh và Ngô Tùng Châu giữ, đổi tên thành là "Bình Định".

+ Sau, tướng Tây Sơn Trần Quang Diệu vây thành; Võ Tánh và Ngô Tùng Châu yếu thế, phải tự tử để đổi lấy sự an toàn cho đám quân binh.

*/ Thành cổ Đồ Bàn, còn được gọi là Phật Thệ hay Trà Bàn, tọa lạc gần thị trấn Đập Đá trên Quốc lộ 1, cách Qui Nhơn chừng 27km, một vùng quê hiền hòa với những con đường làng nằm bên dưới các lũy tre xanh.

Từ thuở 15, tôi đã thấy lòng rung động mơ hồ mỗi khi nghe đến ba chữ "Thành Đồ Bàn" mà không hiểu tại sao? Chỉ biết hình dung đến nhiều điều kỳ dị về một dân tộc đã vĩnh viễn lui vào bóng tối và những tiếng khóc than của các oan hồn lẫn quất đó đây trong cái thành cổ ấy.

Lớn lên đọc lịch sử, thêm mỗi duyên tình cảm với anh Thuận Văn Chàng, ba chữ "Thành Đồ Bàn" lại càng thêm khăng khít với tôi.

Trong Thành Đồ Bàn, xưa có rất nhiều ngọn tháp và các thành lũy xây giữa hai nhánh sông Nam An dài 1.400m, rộng 1.100m. Các tháp nay đã bị tiêu hủy hết, chỉ còn tháp Cánh Tiên (còn gọi là tháp đồng vuông) nằm đơn độc ở ngay trung tâm của Thành Đồ Bàn.

+ Tháp có lẽ được xây từ thế kỷ XII theo kiểu thức mà các nhà nghiên cứu gọi là "phong cách Bình Định", hình vuông, trong có trang trí hai con voi đẹp làm bằng đá và nhiều tượng quái vật. + Tường được xây bằng đá ong, góc đá rắn cứng màu trắng. + Các vòm cửa hình mũi giáo nhọn, vách tháp đơn giản, chắc chắn, ít trang trí. + Các tầng mái gom lại, ở góc là những "cánh tiên". + Đường đi lên tháp cũng được lát bằng đá hoa cương. + Một cách kiến trúc bí mật đi trước rất xa so với sự kiến trúc của nhân loại hiện tại.

.....

Giờ đây trong ba ngày đoàn hát tại đây, có dịp đứng trước các cái tháp cổ của dân tộc Chiêm Thành, tình cảm yêu mến buổi thiếu thời lại được làm đầy hơn với lòng ngưỡng mộ khâm phục. Điều đau buồn là lớp con cháu những người làm ra cái kiến trúc ấy bây giờ lại là "những kẻ mất quê hương ngay trong chính quê hương của họ", sống lang thang lếch thếch trong vùng đất mà cha ông họ đã trải qua một thuở rất lầy lừng.

Trái tim tôi vốn chỉ ưa đập mạnh với những điều "bất toại" của cuộc đời, giờ lại càng đập mạnh hơn khi đứng nhìn lên từng vách đá của cái Cổ Thành còn lưu lại mà tưởng như đang chứng kiến các cuộc binh đao, các tiếng la tiếng hét, các dòng máu phọt ra, các thầy người đổ gục...

Tôi cũng nghĩ đến anh Chàng... Mới đó mà đã đúng 10 năm anh tử trận, đem theo xuống đáy mộ cái hoài bão "dành lại đất Chàm" tôi tình cờ nghe được thuở nào vừa lớn. Mười năm, tôi mới hiểu rõ nỗi tuyệt vọng trong anh ngay từ khi mới chớm niềm hy vọng. Mười năm, mới tìm ra nguyên nhân tại sao có niềm yêu thích mơ hồ cho ba chữ "Thành Đồ Bàn" trong thuở thiếu thời kia.

Đó là thứ tình cảm tự nhiên mà nếu không mang tâm hồn của một người nghệ sĩ, tôi sẽ không cảm nhận và chụp bắt nhanh như vậy. Sự xúc động dành cho một cái Đẹp tạo ra từ Con Người và cũng bị chính bàn tay Con Người làm cho tan vỡ. Xúc động vì (dù chỉ mới 15) tôi cũng đã "biết" rằng trên đời chẳng

có gì tồn tại. Cái lẽ Vô Thường chính là như thế. Dưới quyền lực một vị thần vắng-mặt-hiện-diện, Con Người bao giờ cũng chỉ là một cọng cỏ phát phơ trong gió. Danh vọng, tiền tài, tình cảm, ham muốn... tất cả đều lần lượt bị thổi trừ và tan biến bất cứ khi nào trong đôi bàn tay tàn bạo của Thời Gian".

□